

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, Ông Bùi Xuân Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: thôn L, xã T3, huyện M, tỉnh H.

Chỗ ở: thôn Đ, xã Q, huyện M, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình T1, sinh năm 1982.

Nơi thường trú: thôn L, xã T3, huyện M, tỉnh H.

Chị T có mặt; anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Vũ Đình T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện M ngày 28/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng chị ở thôn L, xã T3 được hơn 1 năm thì chuyển ra ở riêng, nhà riêng của anh chị ở cùng thôn với nhà của bố mẹ chồng. Vợ chồng sống hoà thuận được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 chơi cờ bạc, gái gú, tiêu sài phung phí không rõ lý do nên không lo liệu được kinh tế gia đình. Chị đã nhiều lần nói chuyện khuyên anh T1 thay đổi cách sống, có trách nhiệm với gia đình hơn nhưng đều không có kết quả. Trong thời gian chung sống, chị nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở, nhưng nghĩ thương các con chị lại quay về, sau nhiều lần bỏ đi rồi quay về như vậy nhưng mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, anh T1 có tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng rất lạnh nhạt, cuộc sống không có

hạnh phúc. Chị thấy không còn hy vọng gì nên chị bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Q, huyện M, tỉnh H từ tháng 6/2023 đến nay. Thời gian ly thân, chị và anh T1 không nói chuyện với nhau, việc ai người ấy làm, không có biện pháp nào để hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Vũ Thị Luyến - sinh ngày 08/8/2006 và Vũ Đình Tuấn Anh - sinh ngày 22/6/2010. Thời gian ly thân đến nay, hai con có lúc về nhà ngoại ở cùng chị, có lúc các cháu về ở nhà riêng của vợ chồng chị, vì các cháu học tập ở khu vực thị trấn M - Đoàn Tùng, nên buổi trưa hai cháu thường về ăn nghỉ tại nhà riêng của vợ chồng chị ở thôn L, xã T3, buổi chiều nào các cháu được nghỉ học thì các cháu cũng ở đó, đến tối các cháu mới về nhà mẹ đẻ chị ăn ngủ nghỉ. Hiện nay các cháu cũng đã lớn, đều tự biết lo sinh hoạt học tập cho bản thân. Anh T1 hiện nay làm tự do, cụ thể làm công việc đi chợ bán hoa quả ở các huyện, thành phố trong tỉnh, sáng sớm đi chợ, tối muộn anh T1 mới về nhà. Ly hôn, chị được biết cháu Luyến có nguyện vọng xin ở với mẹ, cháu Tuấn Anh có nguyện vọng xin ở với bố, chị đồng ý với nguyện vọng của các con. Chị xin nuôi cháu Luyến, để anh T1 nuôi cháu Tuấn Anh, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị làm công nhân ở một công ty gần nhà, thu nhập hàng tháng khoảng 6-7 triệu đồng. Chị ở cùng nhà với mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi đầy đủ tiện nghi, mẹ chị còn khoẻ hỗ trợ chị rất nhiều trong việc chăm sóc, quản lý con. Chị cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh H đã triệu tập anh Vũ Đình T1 nhiều lần nhưng anh T1 không có mặt; Tòa án đã T1 hành cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Bà Vũ Thị Lơ (mẹ của anh T1) trình bày: Chị T, anh T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T3. Sau khi cưới, vợ chồng ở cùng với ông bà một thời gian ngắn thì ra ở riêng trên nhà đất cùng thôn. Quá trình chung sống chị T anh T1 xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không nắm được, chỉ biết chị T có sang xin phép ông bà cho về nhà ngoại một thời gian, nhưng chị T đã bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ ở xã Q từ tháng 6/2023 đến nay không quay về nữa. Khi chị T bỏ về, hai con đi theo chị T nhưng thời gian vừa qua bà thấy các cháu vẫn về ở tại nhà riêng của chị T anh T1. Trong thời gian ly thân, anh T1 chị T có tìm gặp nhau để hàn gắn hay không ông bà không nắm được. Anh T1 hiện nay ở nhà riêng tại thôn L, xã T3, huyện M, tỉnh H cùng thôn với nhà của ông bà. Anh T1 đi bán hàng tự do, đi từ sáng sớm đến tối mới về nhà. Nay chị T làm đơn ly hôn, ông bà là cha mẹ chỉ mong các con chung sống hoà thuận nuôi con, ông bà không muốn các cháu chịu khổ vì không có đầy đủ bố mẹ. Trường hợp chị T, anh T1 ly hôn, nếu Tòa án giao con cho anh T1 nuôi thì ông bà sẵn sàng hỗ trợ trông nom, chăm sóc các cháu.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đình T1;

Về con chung: Đề nghị giao con chung Vũ Thị Luyến - sinh ngày 08/8/2006 cho chị Vũ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Vũ Đình Tuấn Anh - sinh ngày 22/6/2010 cho anh Vũ Đình T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết;

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Đình T1, nơi thường trú tại thôn L, xã T3, huyện M, tỉnh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh H. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Đình T1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án T1 hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Vũ Đình T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện M, tỉnh H ngày 28/9/2005, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của chị T và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm lạnh nhạt, không có sự quan tâm, không hiểu được tâm tư suy nghĩ của nhau, không chia sẻ với nhau những gánh nặng và khó khăn trong cuộc sống, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị T nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ

rời lại quay về nhưng mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện. Tháng 6/2023, chị T bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ ở, chính thức sống ly thân với anh T1 từ đó đến nay. Thời gian ly thân, anh T1 không tìm chị, vợ chồng không gặp gỡ nhau để tìm biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo T1 hành hòa giải nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hoà giải, chứng tỏ anh T1 không thể hiện mong muốn và không thiện chí tích cực hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh T1 có hai con chung là cháu Vũ Thị Luyến - sinh ngày 08/8/2006 và Vũ Đình Tuấn Anh - sinh ngày 22/6/2010. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, các cháu có lúc ở nhà ngoại với chị T, có lúc ở nhà riêng với bố (hiện anh T1 ở tại nhà riêng của vợ chồng). Cháu Luyến có nguyện vọng xin ở với mẹ, cháu Tuấn Anh có nguyện vọng xin ở với bố. Chị T đồng ý với nguyện vọng của các con, chị xin được nuôi cháu Luyến, để anh T1 nuôi cháu Tuấn Anh. Mặc dù anh T1 không có lời trình bày ý kiến với Tòa án, tuy nhiên gia đình anh T1 cũng như bản thân cháu Luyến và cháu Tuấn Anh cũng như chị T đều xác định hiện nay anh T1 vẫn sinh sống tại nhà riêng, đi chợ bán hàng hoa quả có thu nhập ổn định. Bản thân cháu Tuấn Anh xác định cháu xin ở với bố để cháu thuận tiện cho việc học tập ở trường Trung học cơ sở xã T3, khoảng cách từ trường về nhà riêng của bố mẹ cháu rất gần, đi lại thuận tiện hơn, mặt khác nhà riêng của bố mẹ đầy đủ tiện nghi, có điều kiện tốt để cháu sinh hoạt và học tập. Quá trình cháu sinh hoạt, học tập tại nhà, bố cháu là anh T1 đều biết và đều tạo điều kiện cho cháu, cho cháu giữ chìa khoá nhà và vẫn quan tâm nên cháu cảm thấy rất thuận tiện thoải mái. Xét thấy, chị T, anh T1 đều có chỗ ở, có công việc và thu nhập hàng tháng ổn định, đều có đủ điều kiện nuôi con. Cháu Luyến có nguyện vọng xin ở với mẹ, cháu Tuấn Anh có nguyện vọng xin ở với bố, chị T đồng ý với nguyện vọng của các con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của hai con, HĐXX giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Luyến - sinh ngày 08/8/2006, giao cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Đình Tuấn Anh - sinh ngày 22/6/2010 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, chị T anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đình T1.

2. *Về con chung*: Giao con chung Vũ Thị Luyến - sinh ngày 08/8/2006 cho chị Vũ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Vũ Đình Tuấn Anh - sinh ngày 22/6/2010 cho anh Vũ Đình T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức*: Không phải giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001562 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh H. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã T3, huyện M, tỉnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 28/9/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân